

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ PHÚ MỸ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Bản án số: 102/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2024

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Hải và bà Phan Thị Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Minh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú

Mỹ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 362/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐ-ST ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: bà Đặng Thị N, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ A, đường số B, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: ông Phùng Văn Phúc T, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Tổ A, đường số B, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (vắng mặt nhiều lần không ly do chính đáng)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 09 năm 2024 và quá trình làm việc tại tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị N trình bày:

Bà Đặng Thị N và ông Phùng Văn Phúc T tự nguyện chung sống với nhau, từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 14/11/2003. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, ông T thường xuyên cờ bạc, ngoại tình, bạo hành đối với bà N. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên đơn phương ly hôn ông Phùng Văn Phúc T.

Về con chung: Bà Đặng Thị N xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là Phùng Quốc Đ, sinh ngày: 05/12/2004 (đã trưởng thành) và Phùng Kim K, sinh ngày 30/07/2009. Bà

N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phùng Kim K; bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phùng Văn Phúc T vắng mặt nhiều lần các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử không lý do chính đáng.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng các quy định pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N đối với ông Phùng Văn Phúc T.

- Hôn nhân: Bà Đặng Thị N được ly hôn với ông Phùng Văn Phúc T.

- Con chung: 02 (hai) con chung là Phùng Quốc Đ, sinh ngày: 05/12/2004 (đã trưởng thành) và Phùng Kim K, sinh ngày 30/07/2009. Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Phùng Kim K. Xét thấy, con có nguyện vọng được ở với mẹ, trên thực tế hiện nay cháu đang sống cùng với mẹ, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không thể hiện nguyện vọng nuôi con. Do đó nhằm không làm xáo trộn cuộc sống của trẻ nên đề nghị giao con cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét.

- Tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngày 20-09-2024 bà Đặng Thị N có đơn khởi kiện ông Phùng Văn Phúc T về việc xin ly hôn. Bà N và ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn; bị đơn có nơi cư trú tại thị xã P, vì vậy xác định đây là vụ án khởi kiện về việc “ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt nhiều lần không lý do chính đáng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân:

Bà N và ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 14-11-2003 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà N cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát nhau. Nay bà N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông T.

Ông T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho ông T trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình để Hội đồng xét xử xem xét nhưng ông T không thể hiện thiện chí đoàn tụ hàn gắn gia đình, đã tự tước bỏ quyền lợi của mình.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T là có thật; Hai vợ chồng đều không có thiện chí đoàn tụ, hàn gắn gia đình, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó, cuộc sống vợ chồng không còn ý nghĩa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông T là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: có 02 (hai) con chung là Phùng Quốc Đ, sinh ngày: 05/12/2004 (đã trưởng thành) và Phùng Kim K, sinh ngày 30/07/2009. Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Phùng Kim K. Xét thấy, trên thực tế hiện nay bà N là người trực tiếp chăm sóc con; con có nguyện vọng được ở với mẹ, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, ông T nhiều lần vắng mặt và không thể hiện nguyện vọng về con chung. Vì vậy nhằm không làm xáo trộn cuộc sống của trẻ nên giao con chung cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5]. Về án phí: Bà N phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N đối với ông Phùng Văn Phúc T.

Về hôn nhân: Bà Đặng Thị N được ly hôn với ông Phùng Văn Phúc T.

Về con chung: có 02 (hai) con chung là Phùng Quốc Đ, sinh ngày: 05/12/2004 (đã trưởng thành) và Phùng Kim K, sinh ngày 30/07/2009. Bà Đặng Thị N được quyền trực

tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Phùng Kim K; Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T được quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Bà Đặng Thị N phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003876 ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Bà N đã nộp xong.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Đương sự
- VKSND TXPM;
- Chi cục THADS TXPM;
- TAND tỉnh BRVT;
- UBND xã Kiến Thành, Chợ Mới

Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa Hội thẩm nhân dân

NGUYỄN THỊ T1 TRANG